

Địa chỉ: Thị trấn P1, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Xuân Ch, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Quốc D, chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án - quỹ đất đô thị huyện P và ông Huỳnh Tuấn Nh, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện P. Đều có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Đặng Thị V1, sinh năm 1925;

Người đại diện theo ủy quyền của bà V1: Ông Trần T, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: Thôn X, xã T2, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Bà Võ Thị Q, sinh năm 1968; có mặt.

+ Ông Trần Duy T3, sinh năm 1985; vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Mỹ Tr, sinh năm 1984; vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1988; vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1997; vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Mỹ N1, sinh năm 1997; vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1991; vắng mặt.

+ Ông Trần Thanh V, sinh năm 1982; vắng mặt.

+ Ông Lê Đình Th, sinh năm 1991; vắng mặt.

+ Ông Tôn Thất Th1, sinh năm 1988; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã T2, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Trần T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Triền và lời trình bày của ông Trần T trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa thì ý kiến của người khởi kiện như sau:*

Hộ gia đình ông có 655 m² đất, trong đó đất ở tại nông thôn có diện tích 140 m² và đất trồng cây lâu năm 525 m², thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 7 tại thôn X, xã T2, huyện P, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 520614

ngày 18-3-2013 của Ủy ban nhân dân huyện P (đăng ký biến động ngày 16-4-2013). Trên đất có 04 ngôi nhà chính, 04 bếp của 04 hộ (đủ điều kiện để tách làm 04 hộ theo quy định của pháp luật về cư trú) và tổng số người sinh sống trên thửa đất nêu trên là 14 người gồm 04 thế hệ cùng sinh sống: Mẹ ông là bà Đặng Thị V1, vợ chồng ông là Trần T và bà Võ Thị Q, các con, các cháu của vợ chồng ông. Ngày 02-10-2015, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định thu hồi đất số 4095/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 140 m² đất ở nông thôn và 237,5 m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 7 (theo hồ sơ bồi thường là thửa 34/1) tại thôn X, xã T2, huyện P của hộ gia đình ông để xây dựng công trình đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi. Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định số 4285/QĐ-UBND ngày 13-10-2015 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông. Không đồng ý với quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ nêu trên của Ủy ban nhân dân huyện P và hộ gia đình ông đã khiếu nại, kiến nghị có nội dung khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện P để được xem xét giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật. Vì vậy Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 20-5-2016 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ gia đình ông nhưng hộ gia đình ông vẫn không đồng ý và tiếp tục khiếu nại, kiến nghị có nội dung khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện P theo quy định của pháp luật nên Ủy ban nhân dân huyện P tiếp tục ban hành quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 28-10-2016 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đất vườn ao đối với hộ gia đình ông. Hộ gia đình ông cũng không đồng ý nên tiếp tục khiếu nại và Ủy ban nhân dân huyện P tiếp tục ban hành quyết định số 7009/QĐ-UBND ngày 19-12-2017 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung vật kiến trúc đối với hộ gia đình ông và hộ gia đình ông cũng không đồng ý nên tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện P để được xem xét giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật. Đến ngày 27-12-2017, Ủy ban nhân dân huyện P đã có văn bản số 1716/UBND-TTTr về việc trả lời đơn kiến nghị của hộ gia đình ông. Ngày 04-6-2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định số 1967/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Trần T và bà Võ Thị Q. Xét thấy Quyết định thu hồi đất và các quyết định bồi thường, hỗ trợ, các quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung, quyết định cưỡng chế và văn bản trả lời kiến nghị nêu trên của Ủy ban nhân dân huyện P đối với hộ gia đình ông là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông. Bởi vì: Căn cứ Điều 53 Luật đất đai năm 2013; căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường,

hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; căn cứ vào hộ khẩu của hộ gia đình ông thì hộ gia đình ông có đủ điều kiện để tách thành 04 hộ theo quy định của pháp luật cư trú và trên thực tế trên đất bị ảnh hưởng của dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi thì hộ gia đình ông có 04 ngôi nhà, 04 cái bếp và nhiều tài sản khác của 04 hộ gia đình cùng chung sống trên 01 thửa đất bị thu hồi. Thực tế quỹ đất của Ủy ban nhân dân huyện P còn nhiều nhưng Ủy ban nhân dân huyện P chưa có quyết định bố trí tái định cư cho hộ gia đình ông là không đảm bảo quy định của pháp luật (thu hồi và bồi thường bằng đất - đất đổi đất), ảnh hưởng đến đời sống và quyền lợi chính đáng của hộ gia đình ông. Mặt khác giá bồi thường quá thấp, không sát với thị trường hiện nay. Do đó, ông khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể sau:

- Hủy Quyết định số 4095/QĐ-UBND ngày 02-10-2015 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất của hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 4285/QĐ-UBND ngày 13-10-2015 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ đổi với hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 20-5-2016 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đổi với hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 28-10-2016 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đất vườn ao đổi với hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 7009/QĐ-UBND ngày 19-12-2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường bổ sung vật kiến trúc đổi với hộ ông Trần T.

- Hủy Công văn số 1716/UBND-TTTr ngày 27/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc trả lời đơn kiến nghị của hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 04-6-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Trần T và bà Võ Thị Q.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích 140 m² đất ở và 237,5 m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 07 tại thôn X, xã T2, huyện P, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Trần T theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản đối thoại ngày 01-10-2019 thì ông Trần T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành quyết tái định cư đối với diện tích 140 m² đất ở thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 07 tại thôn X, xã T2,

huyện P, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Trần T theo đúng quy định pháp luật (Bồi thường đất đổi đất với diện tích đất ở 140 m²).

Những yêu cầu khác thì ông Trần T xin rút yêu cầu khởi kiện.

** Theo Văn bản số 707/UBND-TNMT ngày 28-6-2018 của Ủy ban nhân dân huyện P và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm thì ý kiến của người bị kiện như sau:*

1. Về hiện trạng, nguồn gốc sử dụng đất và hồ sơ thu hồi đất:

Hộ ông Trần T bị ảnh hưởng dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi trên 02 thửa đất với diện tích 377,5 m², cụ thể:

- Theo hồ sơ trích đo địa chính phục vụ công tác BT-GPMB đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi thì:

+ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09, diện tích thửa đất 665 m², diện tích thu hồi là 286,7 m²; trong đó có 140 m² đất ở và 146,7 m² đất trồng cây lâu năm.

+ Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 2565,9 m², diện tích đất thu hồi 90,8 m² loại đất trồng cây lâu năm (Diện tích còn lại 2475,1 m²; trong đó có 200 m² đất ở và 2275,1 m² đất trồng cây lâu năm).

- Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ tách thửa được cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý biến động thì:

+ Thửa đất số 245, tờ bản đồ số 07, có tổng diện tích 665 m², diện tích thu hồi là 286,7 m²; trong đó có 140 m² đất ở và 146,7 m² đất trồng cây lâu năm (diện tích còn lại 378,3 m² đất trồng cây lâu năm) đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18-3-2013.

+ Thửa đất số 245/2, tờ bản đồ số 07, có tổng diện tích 2356,5 m², diện tích đất thu hồi 90,8 m² loại đất trồng cây lâu năm (Diện tích còn lại 2265,7 m²; trong đó có 200 m² đất ở và 2065,7 m² đất trồng cây lâu năm không ảnh hưởng trong dự án, có sơ đồ vị trí đã chuyển đổi 200 m² đất ở) đã được Ủy ban nhân dân huyện P thống nhất cho phép chuyển mục đích sử dụng đất tại quyết định 2104 ngày 12-6-2013, theo hồ sơ đăng ký biến động số 000483/Q1/ĐKBĐ ngày 18-6-2013.

- Trên cơ sở diện tích đất bị ảnh hưởng trong công trình; giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất ngày 31-8-2015 của Ủy ban nhân dân xã T2; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trần T - bà Võ Thị Q; Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 4095/QĐ-UBND ngày 02-10-2015; Quyết định số 4433/QĐ-UBND ngày 15-9-2017 về việc điều chỉnh một phần nội dung điều 1, Quyết định 4095/QĐ-

UBND ngày 02-10-2015 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đoạn qua xã T2, cụ thể: Thu hồi 140 m² đất ở, 146,7m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 7 và diện tích 90,8 m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 245/2, tờ bản đồ số 7 của hộ ông Trần T, bà Võ Thị Q, trú tại thôn X, xã T2, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Về nhân khẩu tại thời điểm thu hồi đất hộ ông Trần T có 09 nhân khẩu; 03 cặp vợ chồng, một hộ khẩu riêng của mẹ ông T là bà Đặng Thị V1.

2. Về thực hiện bồi thường, hỗ trợ:

Tại thời điểm kiểm kê thì trên 02 thửa đất bị ảnh hưởng của ông Trần T, vợ Võ Thị Q có tổng cộng 04 ngôi nhà bị ảnh hưởng trong công trình, cụ thể: ông Trần T - bà Võ Thị Q; ông Trần Thanh V - bà Trần Thị Mỹ Tr (Con gái và rể ông T); ông Tôn Thất Th1 - bà Trần Thị Mỹ N (con gái và con rể ông T) và bà Đặng Thị V1 (mẹ của ông T có hộ khẩu riêng).

2.1. Hộ ông Trần T - bà Võ Thị Q bị ảnh hưởng dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi trên 02 thửa đất với diện tích 377,5 m². Trong đó: 140 m² đất ở và 237,5 m² đất trồng cây lâu năm, kèm theo ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng là 53,34 m². Trên cơ sở số liệu biên bản kê khai, kiểm kê kết cấu nhà ở, vật kiến trúc, loại cây cối, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã T2; căn cứ quyết định số 23/2010/QĐ- UBND ngày 30-9-2010; Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26-6-2013; Quyết định 2132/QĐ-UBND ngày 10-7-2013; Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 02-3-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, tại phụ lục 1 và phụ lục 2 kèm theo quyết định 44/2014/QĐ-UBND ngày 22-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất lập phương án, trình Hội đồng thẩm định và Ủy ban nhân dân huyện P để phê duyệt và ban hành quyết định số 4285/QĐ-UBND ngày 13/10/2015; Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 20-5-2016; Quyết định 3554/QĐ-UBND ngày 29-8-2016; Quyết định 4177/QĐ- UBND ngày 28-10-2016 và Quyết định số 7009/QĐ-UBND ngày 19-12-2017 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung vật kiến trúc đối với hộ ông Trần T, tại 05 quyết định hộ ông Trần T được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 370.780.866 đồng là đảm bảo theo đúng quy định, ông T đã nhận 1.200.000 đồng về hỗ trợ đường dây điện, số tiền còn lại 369.580.866 ông T chưa nhận.

2.2 Ông Trần Thanh V - bà Trần Thị Mỹ Tr có ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng là 43,29 m² bị giải tỏa trong dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng

Ngãi, ngôi nhà xây dựng trên đất của ông Trần T (cha bà Tr). Trên cơ sở biên bản kê khai, kiểm kê kết cấu nhà ở, loại cây cối. Căn cứ Quyết định 2132/QĐ-UBND ngày 10-7-2013; Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 02-3-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, tại phụ lục 1 và phụ lục 2 kèm theo quyết định 44/2014/QĐ-UBND ngày 22-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Ủy ban nhân dân huyện P đã phê duyệt và ban hành Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 13/10/2015; Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 và Quyết định số 7007/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung vật kiến trúc đối với hộ bà Trần Thị Mỹ Tr, với tổng số tiền 172.187.800 đồng là đảm bảo theo đúng quy định.

2.3 Bà Đặng Thị V1 có ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng là 30,9 m² bị giải tỏa trong dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, ngôi nhà xây dựng trên đất của ông Trần T; trên cơ sở biên bản kê khai, kiểm kê kết cấu nhà ở; căn cứ Quyết định 2132/QĐ-UBND ngày 10/7/2013; Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 02-3-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, tại phụ lục 1 và phụ lục 2 kèm theo quyết định 44/2014/QĐ-UBND ngày 22-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Ủy ban nhân dân huyện P đã phê duyệt và ban hành Quyết định số 4306/QĐ-UBND ngày 13-10-2015; Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 và Quyết định số 7008/QĐ-UBND ngày 19-12-2017 cho hộ bà Đặng Thị V1. Tại 03 quyết định bà Đặng Thị V1 được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 81.488.658 đồng là đảm bảo theo đúng quy định.

2.4 Ông Tôn Thất Th1 - bà Trần Thị Mỹ N có ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng ngôi nhà 54,67 m² bị giải tỏa trong dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, ngôi nhà xây dựng coi nói trên phần đất trồng cây lâu năm của hộ ông Trần T (cha bà N), thời điểm xây dựng năm 2013; tại thời điểm bà Trần Thị Mỹ N xây dựng ngôi nhà, Ủy ban nhân dân xã T2 đã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính và có quyết định số 144/QĐ-XPVPHC của Ủy ban nhân dân xã T2 ngày 26-9-2013. Căn cứ tại tiết 2.1, khoản 2, Điều 21, Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30-9-2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định "... Nhà ở, công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất được xây dựng từ ngày 01-7-2014 trở về sau, mà tại thời điểm xây dựng trái với mục đích sử dụng đất đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì không được bồi thường, không được hỗ trợ". Tuy nhiên, đối với trường hợp của bà Trần Thị Mỹ N, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo, xin ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh về bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh có thông báo số 140/TB-UBND ngày 12-4-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam có nội

dung thống nhất “bà Trần Thị Mỹ N có nhà bị giải tỏa, ngôi nhà xây dựng sau ngày 01-7-2004 trên đất trồng cây lâu năm của hộ ông Trần T, ngày 26-9-2013 Ủy ban nhân dân xã T2 đã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa xử lý triệt để: Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất hỗ trợ 60% theo đơn giá bồi thường để cho hộ tháo dỡ, di dời”. Căn cứ vào phụ lục số 1 và số 2 kèm theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 22-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và Thông báo số 140/TB-UBND ngày 12-4-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Ủy ban nhân dân huyện P phê duyệt và ban hành Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 31-5-2016 về việc hỗ trợ đối với bà Trần Thị Mỹ N, với số tiền hỗ trợ là 91.438.291 đồng. Như vậy, việc hỗ trợ đối với bà Trần Thị Mỹ N là đảm bảo đúng quy định.

Như vậy, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Trần T là 715.895.615 đồng (bao gồm: ông Trần T - bà Võ Thị Q; ông Trần Thanh V - bà Trần Thị Mỹ Tr; ông Tôn Thất Th1 - bà Trần Thị Mỹ N và bà Đặng Thị V1).

3. Về tái định cư:

3.1 Đối với hộ ông Trần T - bà Võ Thị Q:

Qua kiểm tra, hiện nay hộ ông Trần T còn có đất ở tại địa phương trên địa bàn thôn X, xã T2, huyện P, tỉnh Quảng Nam tại thửa đất số 245/2, tờ bản đồ số 7, hộ ông có 200 m² đất ở và tại thửa đất số 1378, tờ bản đồ số 5, diện tích 382 m², loại đất thổ cư có nhà ở, được Ủy ban nhân dân thị xã Tam Kỳ cấp ngày 22-01-1995. Theo quy định tại Tiết 1, khoản 12, Điều 02 Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26-6-2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định “Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở, mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu tái định cư)”. Như vậy theo quy định trên thì hộ ông Trần T không có bố trí đất tái định cư mà tái định cư trên phần diện tích đất còn lại. Ngày 18-9-2017, Ủy ban nhân dân tỉnh có Thông báo số 365/TB-UBND về kết luận của Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Huỳnh Khánh Toàn tại cuộc họp nghe báo cáo rà soát các tồn tại trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đoạn qua các huyện P với nội dung “Đối với hộ ông Trần T: Trường hợp trên diện tích thửa đất còn lại sau khi thu hồi có nhiều mồ mả và độ chênh cao lớn so với đường dẫn vượt lên cầu Bà Ngôn, khó khăn cho hộ gia đình trong việc xây dựng lại nhà ở, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất không thực hiện việc hoán đổi vị trí đất ở 200 m² trong diện tích thửa đất còn lại theo công văn số 6567/UBND-KTN ngày 30-12-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh và đồng ý chủ

trương cho phép Ủy ban nhân dân huyện P giải quyết cho hộ ông Trần T 01 lô đất ở khu tái định cư Chợ lò có thu 100% tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất; đồng thời chủ trì làm việc cụ thể với hộ gia đình và Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ để giải quyết giao cho các hộ: ông Trần Thanh V - bà Trần Thị Mỹ Tr và ông Tôn Thất Th1 - bà Trần Thị Mỹ N mỗi hộ 01 lô đất tái định cư với diện tích tối thiểu theo quy hoạch phân lô ở khu dân cư - tái định cư Đồng Hành có thu 100% tiền sử dụng đất để các hộ xây dựng lại nhà ở, ổn định cuộc sống”. Ngày 20-9-2017, Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức buổi đối thoại với hộ gia đình ông Trần T để triển khai thực hiện nội dung Thông báo số 365/TB-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh đồng thời Trung tâm phát triển quỹ đất đã làm việc với hộ gia đình và 03 lần thông báo mời gia đình ông Trần T nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng gia đình ông vẫn không chấp hành.

3.2 Ông Trần Thanh V - bà Trần Thị Mỹ Tr có ngôi nhà cấp 4 bị giải tỏa trong dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi. Tuy nhiên ngôi nhà bị giải tỏa xây dựng trên đất của bà Võ Thị Q - ông Trần T, chưa được cấp thủ tục chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định. Căn cứ Tiết 1.1, điểm 1, khoản 12, Điều 02 Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định “Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở, mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi”. Căn cứ quy định trên thì trường hợp ông V - bà Tr không thuộc đối tượng được bố trí tái định cư là đúng theo quy định vì lý do không bị thu hồi đất. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho vợ chồng ông V và bà Tr ổn định cuộc sống Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Thông báo số 365/TB-UBND ngày 18-9-2017 về kết luận của Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Huỳnh Khánh Toàn “Thống nhất giải quyết giao cho ông Trần Thanh V - bà Trần Thị Mỹ Tr 01 lô đất tái định cư với diện tích tối thiểu theo quy hoạch phân lô ở khu dân cư - tái định cư Đồng Hành có thu 100% tiền sử dụng đất để vợ chồng ông Trần Thanh V - bà Trần Thị Mỹ Tr xây dựng lại nhà ở, ổn định cuộc sống”.

Sau khi có Thông báo số 365/TB-UBND ngày 18-9-2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất đã làm việc về nội dung thông báo và vận động, mời chi trả tiền nhưng ông V, bà Tr vẫn không thống nhất.

3.3 Bà Đặng Thị V1 có ngôi nhà cấp 4 bị giải tỏa trong dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; Tuy nhiên ngôi nhà bị giải tỏa xây dựng trên đất của ông Trần T - bà Võ Thị Q chưa được cấp thủ tục chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định. Căn cứ Tiết 1.1, điểm 1, khoản 12, Điều 02

Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26-6-2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định “Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở, mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi”. Căn cứ quy định trên thì trường hợp ông V - bà Tr không thuộc đối tượng được bố trí tái định cư là đúng theo quy định vì lý do không bị thu hồi đất.

3.4 Ông Tôn Thất Th1 - bà Trần Thị Mỹ N có ngôi nhà cấp 4 bị giải tỏa trong dự án đường cao ốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi. Tuy nhiên ngôi nhà bị giải tỏa xây dựng trên đất trồng cây lâu năm của bà Võ Thị Q - ông Trần T, thời điểm xây dựng ngôi nhà năm 2013, ngày 26-9-2013 Ủy ban nhân dân xã T2 đã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính và có quyết định số 144/QĐ-XPVPHC của Ủy ban nhân dân xã T2 ngày 26-9-2013. Căn cứ Tiết 1.1, điểm 1, khoản 12, Điều 02 Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam thì các trường hợp được bố trí tái định cư “Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở, mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi”. Căn cứ quy định trên trường hợp ông Thi - bà N không thuộc đối tượng được bố trí tái định cư là đúng theo quy định vì lý do không bị thu hồi đất. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho vợ chồng ông Thi và bà N ổn định cuộc sống Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Thông báo số 365/TB-UBND ngày 18/9/2017 về kết luận của Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Huỳnh Khánh Toàn “Thống nhất giải quyết giao cho ông Tôn Thất Th1 - bà Trần Thị Mỹ N 01 lô đất tái định cư với diện tích tối thiểu theo quy hoạch phân lô ở khu dân cư - tái định cư Đồng Hành có thu 100% tiền sử dụng đất để vợ chồng ông Tôn Thất Th1 - bà Trần Thị Mỹ N xây dựng lại nhà ở, ổn định cuộc sống”.

Sau khi có Thông báo số 365/TB-UBND ngày 18-9-2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất đã làm việc về nội dung thông báo và vận động, mời chi trả tiền nhưng ông Thi, bà N vẫn không thống nhất.

4. Về giải quyết kiến nghị:

4.1 Đối với hộ ông Trần T - bà Võ Thị Q đã được giải quyết và trả lời tại công văn số 1716/UBND-TTra ngày 27-12-2017.

4.2 Đối với trường hợp bà Trần Thị Mỹ Tr - ông Trần Thanh V đã được giải quyết và trả lời tại Công văn số 1717/UBND-TTra ngày 27-12-2017.

4.3 Đối với trường hợp bà Trần Thị Mỹ N - ông Tôn Thất Th1 đã được trả lời tại công văn số 1719/UBND-TTra ngày 27-12-2017.

4.4 Đối với trường hợp bà Đặng Thị V1 đã được giải quyết và trả lời tại

Công văn số 1718/UBND-TTra ngày 27-12-2017.

5. Về quyết định cưỡng chế thu hồi đất: Ngày 04-6-2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 1967/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Trần T và bà Võ Thị Q. Tuy nhiên, hiện nay hộ ông Trần T đã bàn giao mặt bằng và rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định trên.

Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần T - bà Võ Thị Q là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

** Theo các văn bản trình bày ý kiến và lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ Tr trong quá trình tố tụng thì ý kiến của bà Trần Thị Mỹ Tr như sau:*

Căn cứ hồ sơ bồi thường của hộ gia đình bà và biên bản bàn giao mặt bằng ngày 29-6-2018 thì bà có nhà ở trên đất bị giải phóng mặt bằng và bà không có đất nào khác tại địa phương. Căn cứ vào khoản 1 khoản 2 và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất (cho vợ chồng bà mua 01 lô theo giá nhà nước) cho vợ chồng bà là Trần Thị Mỹ Tr và Trần Thanh V theo quy định của pháp luật. Do đó, bà đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất (cho bà mua 01 lô đất theo giá nhà nước) cho bà theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trước khi xét xử sơ thẩm, bà Tr đã có đơn xin rút yêu cầu độc lập nêu trên.

** Theo các văn bản trình bày ý kiến và lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ N trong quá trình tố tụng thì ý kiến của bà Trần Thị Mỹ N như sau:*

Căn cứ hồ sơ bồi thường của hộ gia đình bà và biên bản bàn giao mặt bằng ngày 29-6-2018 thì bà có nhà ở trên đất bị giải phóng mặt bằng và bà không có đất nào khác tại địa phương. Căn cứ vào khoản 1 khoản 2 và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất (cho vợ chồng bà mua 01 lô theo giá nhà nước) cho vợ chồng bà là Trần Thị Mỹ N và

Tôn Thất Th1 theo quy định của pháp luật. Do đó, bà đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất (cho bà mua 01 lô đất theo giá nhà nước) cho bà theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trước khi xét xử sơ thẩm, bà N đã có đơn xin rút yêu cầu độc lập nêu trên.

** Theo các văn bản trình bày ý kiến và lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ L trong quá trình tố tụng thì ý kiến của bà Trần Thị Mỹ L như sau:*

Căn cứ hồ sơ bồi thường của hộ gia đình bà và biên bản bàn giao mặt bằng ngày 29-6-2018 thì bà có nhà ở trên đất bị giải phóng mặt bằng và bà không có đất nào khác tại địa phương. Căn cứ vào khoản 1 khoản 2 và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất (cho vợ chồng bà mua 01 lô theo giá nhà nước) cho vợ chồng bà là Trần Thị Mỹ L và Lê Đình Th theo quy định của pháp luật. Do đó, bà đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất (cho bà mua 01 lô đất theo giá nhà nước) cho bà theo quy định của pháp luật.

** Theo các văn bản trình bày ý kiến và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V1 là ông Trần T trong quá trình tố tụng thì ý kiến của bà Đặng Thị V1 như sau:*

Căn cứ hồ sơ bồi thường của hộ gia đình bà và biên bản bàn giao mặt bằng ngày 29-6-2018 thì bà có nhà ở trên đất bị giải phóng mặt bằng và bà không có đất nào khác tại địa phương. Căn cứ vào khoản 1 khoản 2 và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất (cho bà mua 01 lô theo giá nhà nước) cho bà Đặng Thị V1 theo quy định của pháp luật. Do đó, bà đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất (cho bà mua 01 lô đất theo giá nhà nước) cho bà theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh V thống nhất với ý kiến của bà Trần Thị Mỹ Tr; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tôn Thất Th1 thống nhất với ý kiến của bà Trần Thị Mỹ N; người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan ông Lê Đình Th thống nhất với ý kiến của bà Trần Thị Mỹ L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Q, ông Trần Duy T3, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ N1 thống nhất với ý kiến của ông Trần T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2019/HC-ST ngày 22-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 khoản 2 khoản 3 khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 173 ; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần T về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành quyết định tái định cư đối với diện tích 140 m² đất ở thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 07 tại thôn X, xã T2, huyện P, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Trần T theo đúng quy định pháp luật (Bồi thường đất đổi đất với diện tích đất ở 140 m²).

2. Bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V1 về việc: Buộc Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất (cho bà mua 01 lô đất theo giá nhà nước) cho bà theo quy định của pháp luật.

3. Bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ L về việc: Buộc Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất (cho bà mua 01 lô đất theo giá nhà nước) cho bà theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần T về việc:

- Hủy Quyết định số 4095/QĐ-UBND ngày 02-10-2015 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất của hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 4285/QĐ-UBND ngày 13-10-2015 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ đổi với hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 20-5-2016 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đổi với hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 28-10-2016 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đất vườn ao đổi với hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 7009/QĐ-UBND ngày 19-12-2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường bổ sung vật kiến trúc đổi với hộ ông Trần T.

- Hủy Công văn số 1716/UBND-TTr ngày 27-12-2017 của Ủy ban nhân

dân huyện P về việc trả lời đơn kiến nghị của hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 04-6-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Trần T và bà Võ Thị Q.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích 237,5 m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 07 tại thôn X, xã T2, huyện P, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Trần T theo đúng quy định pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 140 m² đất ở thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 07 tại thôn X, xã T2, huyện P, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Trần T theo đúng quy định pháp luật.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Mỹ Tr về việc: Buộc Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất (cho bà mua 01 lô đất theo giá nhà nước) cho bà theo quy định của pháp luật.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Mỹ N về việc: Buộc Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất (cho bà, mua 01 lô đất theo giá nhà nước) cho bà theo quy định của pháp luật

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04-11-2019, người khởi kiện ông Trần T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 04-11-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Trần T và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng về nguyên tắc bồi thường về đất là đất đổi đất, nếu không có đất để bồi thường thì mới được bồi thường bằng tiền đối với diện tích 139,5 m². Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở. Đồng thời, thực tế UBND huyện P đã giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với 01 lô đất tại huyện P cho ông Trần T 139,5m² nhưng lại không thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường là không đúng. Do vậy, khởi kiện của ông Trần T và yêu cầu của bà V1 căn cứ, buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành quyết định tái định cư đối với 140m² đất ở thuộc thửa đất số 245 thôn X cho ông Trần T và giao cho bà V1 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần T, bà Đặng Thị V1. Giữ nguyên Bản án số 48/2019/HC-ST ngày 22-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của các đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng và văn bản pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 01-10-2019, ông Trần T tự nguyện rút một phần đơn khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định và 02 văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. Bà Trần Thị Mỹ Tr và bà Trần Thị Mỹ N cũng tự nguyện rút đơn yêu cầu độc lập về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định giao cho bà 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đình chỉ vụ án quy định tại Điều 173 Luật tổ tụng hành chính là chính xác.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần T yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện P giao 01 lô đất tái định cư cho ông Trần T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Thực hiện một phần dự án xây dựng Công trình đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Quyết định số 4095/QĐ-UBND về thu hồi diện tích 377,5 m² đất đối với hộ ông Trần T bị ảnh hưởng dự án trên 02 thửa đất, cụ thể: Ngày 02-10-2015, Ủy ban nhân dân huyện P đã thu hồi diện tích 140m² đất ở, 146,7 m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 7 và diện tích 90,8 m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 245/2, tờ bản đồ số 7 của hộ ông Trần T, bà Võ Thị Q. Diện tích đất còn lại là 378,3 m² thuộc thửa đất số 245, loại đất trồng cây lâu năm; diện tích còn lại của thửa đất số 245/2 là 2265,7 m², trong đó có 200 thửa đất ở và 2065,7 m² đất trồng cây lâu năm. Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành các Quyết định số 4285/QĐ-UBND ngày 13-10-2015; Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 20-5-2016; Quyết định 3554/QĐ-UBND ngày 29-8-2016; Quyết định 4177/QĐ-UBND ngày 28-10-2016 và Quyết định số 7009/QĐ-UBND ngày 19-12-2017 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung vật kiến trúc đối với hộ ông Trần T tổng số tiền 370.780.866 đồng là đúng quy định pháp luật. Bồi lẽ:

Pháp luật về đất đai quy định: *Trường hợp còn đất ở, nhà ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối*

với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở. Mặt khác, Điều 12 Quyết định 14/2013/QĐ-UBND ngày 26-6-2013 của ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định các trường hợp được bố trí tái định cư: “Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi”.

Đối chiếu với quy định trên, sau khi thu hồi đất hộ ông Trần T còn 200m² đất ở và còn nhiều đất canh tác trồng cây lâu năm tại thửa đất số 245, thửa 245/2 thuộc thôn X, xã T2, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Bản thân ông Trần T đã nhận đầy đủ tiền bồi thường, hỗ trợ nhà, đất và không có ý kiến gì. Thực tế, hiện nay Ủy ban nhân dân huyện P không còn quỹ đất nào khác để xem xét lô tái định cư và ông Trần T cũng đã xây dựng nhà ở kiên cố trên diện tích đất còn lại, ổn định đời sống. Ngoài ra, ông Trần T được Ủy ban nhân dân huyện P giao 01 lô đất tại Khu tái định cư Chợ Lò có thu tiền sử dụng đất là đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho hộ ông Trần T nên kháng cáo của ông Trần T không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với nội dung kháng cáo của bà Đặng Thị V1 yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định giao 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất: Như phân tích ở phần [2], hộ ông Trần T được Ủy ban nhân dân huyện P bồi thường, hỗ trợ đầy đủ theo quy định của Nhà nước, thực tế bà Đặng Thị V1 cũng ở trên đất ông Trần T. Hơn nữa, ông Trần T trình bày tại cấp sơ thẩm cho rằng diện tích đất ông đang sử dụng có *nguồn gốc đất của ông có bên mẹ để lại* (BL 179). Như vậy, thực chất nhà, đất của bà Đặng Thị V1 mà ông Trần T được thừa hưởng và Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định thu hồi đất của ông Trần T (bà V1 không có diện tích đất thu hồi). Bà Đặng Thị V1 sống trong ngôi nhà 30,29m² nhưng xây dựng trên đất bà Đặng Thị V1 cho ông Trần T bị giải tỏa trong dự án đường cao tốc Đà Nẵng- Quảng Ngãi và chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V1 là đúng.

[4] Về án phí:

Đơn kháng cáo của ông Trần T không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Bà Đặng Thị V1 là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V1. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 48/2019/HC-ST ngày 22-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. **Tuyên xử:**

Áp dụng khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai 2013; khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, tái định cư khi thu hồi đất; Điều 12 Quyết định 14/2013/QĐ-UBND ngày 26-6-2013 sửa đổi, bổ sung Quyết định 23/2010/QĐ-UBND ngày 30-9-2010.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần T về việc đề nghị buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành quyết định tái định cư đối với diện tích 140 m² đất ở thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 07 tại thôn X, xã T2, huyện P, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Trần T (Bồi thường đất đối đất với diện tích đất ở 140 m²).

2. Bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V1 về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất cho bà theo quy định của pháp luật.

3. Bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ L về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất cho bà theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần T về việc:

- Hủy Quyết định số 4095/QĐ-UBND ngày 02-10-2015 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất của hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 4285/QĐ-UBND ngày 13-10-2015 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 20-5-2016 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 28-10-2016 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đất vườn ao đối với hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 7009/QĐ-UBND ngày 19-12-2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường bổ sung vật kiến trúc đối với hộ ông Trần T.

- Hủy Công văn số 1716/UBND-TTr ngày 27-12-2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc trả lời đơn kiến nghị của hộ ông Trần T.

- Hủy Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 04-6-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Trần T và bà Võ Thị Q.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích 237,5 m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 07 tại thôn X, xã T2, huyện P, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Trần T theo đúng quy định pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 140 m² đất ở thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 07 tại thôn X, xã T2, huyện P, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Trần T theo quy định pháp luật.

II. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 349 Bộ luật tố tụng hành chính năm 2015; điểm d Điều 12, khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Đặng Thị V1 được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Ông Trần T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0000387 ngày 12-11-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 26 - 9 - 2020./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- CTHADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu